

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN W
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/DS-ST

Ngày 10 - 07 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN W TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

2. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 05, ngày 17 tháng 06 và ngày 10 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện W tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 309/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023; về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 và số 22/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 06 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Hồng N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 726/7B, đường Z, Phường X, thành phố V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Ấp E, xã R, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp Y, xã U, huyện W, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ liên hệ: Ấp I, thị trấn O, huyện P, tỉnh Sóc Trăng (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 26/12/2023 – BL23). (có mặt)

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Biện Công N - Văn phòng luật sư Bạch Sỹ C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 181/19, đường J, Khóm S, Phường S, thành phố V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Th, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện W, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Hồng N trình bày:

Vào ngày 18/6/2019, bà Trương Hồng N có thỏa thuận cho ông Lê Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) lãi suất chưa tính khi nào thanh toán tiền vay mới tính lãi và ông Lê Văn T có thuê chấp cho bà Trương Hồng N một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 848641 do ông Lê Văn G1 đứng tên và 01 giấy số K 664084 do ông Lê Văn K1 đứng tên. Bà Trương Hồng N đang giữ 02 giấy chứng nhận bản gốc. Khi vay hai bên thỏa thuận khi nào ông Lê Văn T thanh toán thì ông Lê Văn T thanh toán lãi cho bà Trương Hồng N. Tuy N, đến nay ông Lê Văn T chưa thanh toán gốc và lãi cho bà Trương Hồng N. Nay sau thời gian bà Trương Hồng N cho vay ông Lê Văn T có ý gian dối đã trình báo với Ủy ban nhân dân xã Hòa Tú 2 là mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đăng ký xin cấp lại chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị mất và hiện nay ông Lê Văn T đã được các cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy đã bị mất theo trình báo. Bà Trương Hồng N không đồng ý nên có làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân xã Hòa Tú 2 xem xét hòa giải vụ việc, qua đó ông Lê Văn T có nhìn nhận việc ông Lê Văn T đăng ký xin cấp lại giấy trong khi thực tế giấy chứng nhận của ông Lê Văn T không bị mất và việc vay số tiền 300.000.000 đồng ông Lê Văn T thống nhất ý kiến là sẽ chịu trách nhiệm trả đủ số tiền 300.000.000 đồng cho bà Trương Hồng N trong thời gian 6 tháng tính kể từ ngày 01/05/2023 cho đến 01/11/2023 nhưng đến nay đã hơn một tháng ông Lê Văn T vẫn không trả số tiền này cho bà Trương Hồng N. Nay bà Trương Hồng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện W giải quyết như sau: Buộc ông Lê Văn T thanh toán cho bà Trương Hồng N số tiền còn vay là 300.000.000 đồng và không tính lãi. Bà Trương Hồng N yêu cầu một mình ông Lê Văn T thanh toán cho bà Trương Hồng N.

2. Tại Bản tự khai ngày 28/12/2023, Biên bản hoà giải ngày 26/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa bị đơn Lê Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày: Nguyên vào khoản năm 2020 ông Lê Văn T nghe mọi người giới thiệu bà Trần Thị Th, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện W, tỉnh Sóc Trăng có làm dịch vụ thủ tục làm giấy sang tên quyền sử dụng

đất nên ông Lê Văn T có liên hệ nhờ bà Trần Thị Th làm hồ sơ chuyển tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ông Lê Văn T là ông Lê Văn K1 (chết năm 2013) qua cho ông Lê Văn T. Ngoài ra, ông Lê Văn T có nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn G1 (chết năm 2005 anh ruột của ông Lê Văn T) nên ông Lê Văn T cũng có nhờ bà Trần Thị Th làm thủ tục đối với phần này. Ông Lê Văn T đã đưa cho bà Trần Thị Th 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 01 giấy tên Lê Văn K1, 01 giấy tên Lê Văn G1. Đến khoảng năm 2021 do thấy thời gian đã lâu mà phía bà Trần Thị Th không có phản hồi gì về việc làm giấy của ông Lê Văn T nên ông Lê Văn T có hỏi bà Trần Thị Th thì bà Trần Thị Th nói rằng đã làm mất 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T đưa để làm hồ sơ chuyển tên và kêu ông Lê Văn T làm hồ sơ xin cấp lại giấy CNQSDĐ. Sau đó ông Lê Văn T có làm hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần của cha ông Lê Văn T là ông Kiên và ông Lê Văn T đã được Cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy theo đúng trình tự của pháp luật. Đến tháng 04/2023 thì bà Trương Hồng N liên hệ yêu cầu ông Lê Văn T trả 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) cho bà Trương Hồng N do bà Trần Thị Th đã đem 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T đưa đi thế chấp cho bà Trương Hồng N để vay tiền. Việc bà Trần Thị Th đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T thế chấp cho bà Trương Hồng N để vay tiền là tự bà Trần Thị Th vay và ông Lê Văn T hoàn toàn không hay biết, ông Lê Văn T cũng không có nhờ bà Trần Thị Th đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi vay tiền mà chỉ nhờ bà Trần Thị Th làm thủ tục chuyển tên giấy CNQSDĐ qua cho ông Lê Văn T thôi. Do đó, việc bà Trương Hồng N cho bà Trần Thị Th vay tiền là việc của hai người ông Lê Văn T không biết. Đến ngày 21/4/2023 UBND xã Hòa Tú 2 điện mời ông Lê Văn T xuống xã giải quyết việc bà Trương Hồng N kiện đòi nợ ông Lê Văn T, tại phiên hòa giải của xã cán bộ hòa giải là ông Trần Thanh Hiền Phó chủ tịch xã Hòa Tú 2 đe dọa ông Lê Văn T, buộc ông Lê Văn T phải trả cho bà Trương Hồng N 300.0000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) trong thời hạn là 06 tháng nếu không trả thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự, do ông Lê Văn T không thông hiểu về pháp luật mặt khác sợ bị tù tội nên ông Lê Văn T mới ký tên vào biên bản hòa giải, chứ thật ra ông Lê Văn T không có bất cứ giao dịch nào đối với bà N cả. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng N thì ông Lê Văn T không đồng ý.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 28/06/2024, người có quyền và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Th trình bày: Bà Trần Thị Th chỉ biết bà Trương Hồng N, ông Lê Văn T thì quen biết; giữa bà với bà Trương Hồng N thì không thực hiện giao dịch, bà không có nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn T đi thế chấp cho bà Trương Hồng N và bà cũng không có vay tiền bà Trương Hồng N; ông Lê Văn T cũng không có nhờ bà Trần Thị Th đi vay tiền; trước đây ông Lê Văn T có nhờ bà Trần Thị Th làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà Trần Thị Th đã làm xong và giao giấy mới cho ông Lê Văn T; ông Lê Văn T cho rằng bà Trần Thị Th lấy giấy chứng nhận của ông Lê Văn T thế chấp cho bà Trương Hồng N và vay tiền của bà Trương Hồng N là không đúng. Do bà Trần Thị

Th không liên quan đến vụ án nên xin được vắng mặt.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trương Hồng N giữ nguyên nội dung và yêu cầu của đơn khởi kiện. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, trình bày, đưa ra những căn cứ, lập luận và cho rằng: Giữa bà Trương Hồng N với ông Lê Văn T không quen biết nên không có việc giao dịch vay tiền; nguyên đơn không có chức năng cho vay và nhận thế chấp giấy chứng nhận; trong việc vay không giấy tờ, không chứng cứ chứng minh; việc thế chấp hai giấy chứng nhận cho bà Trương Hồng N là do bà Trần Thị Th thực hiện, ông Lê Văn T không vay tiền bà Trương Hồng N. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Trương Hồng N cho rằng ngày 18/6/2019 cho ông Lê Văn T vay số tiền là 300.000.000 đồng nhưng quá hạn mà không trả lại số tiền vay, nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn T trả số tiền vay là 300.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn Lê Văn T cư trú tại ấp E, xã R, huyện W, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện W, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Th vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố

tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Theo nguyên đơn Trương Hồng N, ngày 18/6/2019 nguyên đơn có cho bị đơn Lê Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng và bị đơn Lê Văn T có giao cho nguyên đơn hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 848641 do ông Lê Văn G1 đứng tên và số K 664084 do ông Lê Văn K1 đứng tên để làm tin; trong việc vay không có lập hợp đồng và không làm giấy tờ, nhưng tại phiên hoà giải ngày 21/4/2023 của UBND xã R, bị đơn Lê Văn T thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng và thoả thuận thanh toán trong 06 tháng từ ngày 01/05/2023 đến ngày 01/11/2023. Đến hạn thanh toán theo thoả thuận, bị đơn không thực hiện nên nguyên đơn Trương Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Biên bản hoà giải ngày 21/4/2023” của UBND xã R, huyện W (BL 03). Xét thấy, tại biên bản hoà giải ngày 21/4/2023, bị đơn ông Lê Văn T thừa nhận có vay và đồng ý trả cho bà Trương Hồng N số tiền 300.000.000 đồng trong thời gian 06 tháng từ ngày 01/5/2023 đến 01/11/2023. Bị đơn Lê Văn T thừa nhận nội dung biên bản hòa giải ghi nhận và thừa nhận chữ viết họ tên, chữ ký tên trong biên bản là đúng do bị đơn Thống viết và ký, nên đây thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 và 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tuy N, tại phiên toà bị đơn Lê Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn cho rằng bị đơn Lê Văn T không có vay tiền của nguyên đơn; việc nguyên đơn giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn là bị đơn không biết, nhưng bị đơn có đưa cho bà Trần Thị Th 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Tại phiên hòa giải tuy bị đơn Thống có thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn và có thoả thuận thời gian trả nợ như ghi nhận trong “Biên bản hoà giải ngày 21/4/2023” của UBND xã R, nhưng không phải bị đơn tự nguyện mà do cán bộ xã ép buộc, hăm dọa nên bị đơn nhận nợ và thoả thuận trả nợ. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hồng N thì bị đơn Lê Văn T không đồng ý.

[4] Xét thấy, bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đều cho rằng bị đơn không có vay tiền của nguyên đơn, tại “Biên bản hoà giải ngày 21/4/2023” của UBND xã R do cán bộ xã ép buộc, hăm dọa nên bị đơn nhận nợ và thoả thuận trả nợ, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh có việc cán bộ xã ép buộc, hăm dọa bị đơn. Do vậy, theo bị đơn trình bày tại “Biên bản hoà giải ngày 21/4/2023” do cán bộ xã ép buộc, hăm dọa nên bị đơn nhận nợ và thoả thuận trả nợ là không căn cứ. Đồng thời, tại các biên bản xác minh ngày 27/5/2024 và ngày 06/06/2024 đối với ông Trần Thanh H2, ông Ngô Thanh H3 và ông Phan Hoàng C (người ghi biên bản) đều xác nhận những nội dung trong “Biên bản hoà giải ngày 21/4/2023” là do các đương sự tự nguyện trình bày, tự nguyện thoả thuận không bị

ai ép buộc hoặc hăm dọa, việc ghi biên bản đảm bảo khách quan, trung thực. Mặt khác, hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 848641 do ông Lê Văn G1 đứng tên và số K 664084 do ông Lê Văn K1 đứng tên mà nguyên đơn đang giữ, bị đơn thừa nhận là của bị đơn nhưng bị đơn cho là đã giao cho bà Th giữ; bà Th không thừa nhận có việc nhận giữ hai giấy chứng nhận và không có giao dịch vay tiền của bà N. Do đó, theo “Biên bản hoà giải ngày 21/4/2023” Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng là sự việc có thật và xảy ra trong thực tế khách quan.

[5] Theo Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”. Xét thấy, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 300.000.000 đồng và đã giao cho bị đơn nhận đủ số tiền vay; bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn khi đến hạn, nhưng đến hạn trả nợ bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do vậy, theo nguyên đơn Trương Hồng N yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Lê Văn T phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Trương Hồng N số tiền 3000.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Đối với lãi suất, theo đơn khởi kiện và tại phiên toà nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hồng N, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hồng N là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Lê Văn T, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Lê Văn T phải chịu án phí có giá ngạch số tiền 15.000.000 đồng (300.000.000 đồng x 5%), theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trương Hồng N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000131 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hồng N đối với bị đơn Lê Văn T.

Buộc bị đơn Lê Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Trương Hồng N số tiền 300.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Trương Hồng N có đơn yêu cầu thi hành án thì bị đơn Lê Văn T phải giao trả đủ số tiền 300.000.000 đồng theo quy định của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Nếu bị đơn Lê Văn T không thực hiện thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Lê Văn T phải chịu 15.000.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Trương Hồng N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 77.500.000 đồng theo biên lai thu số 0000131 ngày 08/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện W, tỉnh Sóc Trăng.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) đề xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện W;
- THADS huyện W;
- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ.

Phạm Hùng Núi